

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 4 – 2025.

*“Về việc: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thông Phi và bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLST–HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hiền T, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: xóm C, thôn F, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: xóm E, thôn E, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Trung P, sinh năm 1985; nơi cư trú: xóm C, thôn F, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn chị T vắng mặt và đã có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn anh P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Nguyễn Trung P tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường

xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc; mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đến tháng 6/2024 vợ chồng cũng đã không còn chung sống với nhau đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị T và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 21/12/2015, sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

[2]. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị Nguyễn Trung P không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh P và cũng không tiến hành hòa giải được.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Trích lục kết hôn số 192 ngày 07/8/2023 (bản sao); 01 giấy khai sinh (bản sao) số 018/2016, ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận và 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hiền T.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh về việc cư trú và về quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị T, anh P, lập Biên bản xác minh ngày 08/12/2024.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền T; xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Trung P; giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 21/12/2015 cho đến khi thành niên; buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Trích lục kết hôn (Bản sao) số 192, ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã H mà nguyên đơn chị T đã cung cấp và căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị T; có đủ cơ sở xác định: chị T và anh Nguyễn Trung P tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2010 theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh P là hợp pháp. Vì vậy, chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị T thừa nhận: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau; mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả; vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2024 cho đến nay. Tại biên bản xác minh, bà Đinh Thị N (Mẹ ruột của bị đơn anh P) đã cung cấp thông tin: vợ chồng chị T, anh P thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau và đã không còn chung sống từ tháng 6/2024 cho đến nay. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và anh P vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được; điều này cho thấy, chị T và anh P đều không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: chị T, anh P đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh P.

[3.2]. Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy khai sinh (bản sao) số 018/2016 của Ủy ban nhân dân xã H mà nguyên đơn chị T đã cung cấp; căn cứ thông tin bà Đinh Thị N (Mẹ ruột của bị đơn anh P) đã cung cấp tại Biên bản ngày 08/12/2024 và căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị T; có đủ cơ sở xác định được: chị T và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 21/12/2015; người con chung này sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đã gần gũi, quen thuộc, ổn định với nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, môi trường giáo dục và cuộc sống với chị T. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, anh P đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu và thực hiện quyền của mình về việc nuôi con. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024 (Bút lục số 12), cháu Nguyễn Trung K trình bày có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, yêu cầu của chị T về việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung chưa thành niên, phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần xử giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 21/12/2015 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Cần căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử buộc chị Nguyễn Thị Hiền T có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền T:

Về việc ly hôn: chị Nguyễn Thị Hiền T được ly hôn với anh Nguyễn Trung P.

Về việc nuôi con: giao cho chị Nguyễn Thị Hiền T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 21/12/2015 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Trung P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp các đương sự có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị Hiền T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006231 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, chị Nguyễn Thị Hiền T đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Huy Khiêm;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh